

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính quý I và phương hướng nhiệm vụ quý II năm 2023

Thực hiện Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về cải cách hành chính tỉnh Trà Vinh năm 2023; Sở Tài chính báo cáo Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính quý I và phương hướng nhiệm vụ quý II năm 2023, gồm các nội dung như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH TRONG TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CƠ QUAN

1. Việc triển khai, tổ chức thực hiện các văn bản chỉ đạo, điều hành và xây dựng chương trình kế hoạch thực hiện

Thực hiện triển khai, quán triệt các văn bản chỉ đạo, điều hành của các cấp trên cơ sở Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về cải cách hành chính tỉnh Trà Vinh năm 2023; Quyết định số 1850/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của tỉnh Trà Vinh; Quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 16/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021- 2025 của tỉnh Trà Vinh; Công văn số 3759/BNV-CCHC ngày 02/8/2021 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn triển khai Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định số 1227/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch 05/KH-STC ngày 09/01/2023 về cải cách hành chính của Sở Tài chính năm 2023...

Nhìn chung, Sở Tài chính thực hiện tốt công tác triển khai, tổ chức thực hiện các văn bản chỉ đạo, điều hành; đồng thời xây dựng và ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện kịp thời, đúng quy định.

2. Tổ chức thực hiện các hoạt động tuyên truyền đẩy mạnh cải cách hành chính

Thực hiện các hoạt động tuyên truyền đẩy mạnh cải cách hành chính bằng nhiều hình thức như sử dụng Trang thông tin điện tử thành phần, lồng ghép vào nội dung các cuộc họp... Trên cơ sở đó, để tìm ra những điển hình tiên tiến, các sáng kiến trong thực hiện cải cách hành chính.

3. Thực hiện các quy định về trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính

Thực hiện chức trách, nhiệm vụ của người đứng đầu; lãnh đạo cơ quan đã chỉ đạo quyết liệt công tác quản lý, điều hành cải cách hành chính với việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính; tổ chức, kiểm tra, giám sát cải cách hành chính; định kỳ thông tin báo cáo cải cách hành chính đúng thời gian quy định.

4. Kiểm tra, đánh giá những mặt làm được, chưa được, hạn chế tồn tại trong công tác triển khai

Qua thực hiện công tác cải cách hành chính quý I/2023, nhìn chung Sở Tài chính đã triển khai thực hiện và ban hành các văn bản chỉ đạo đúng theo quy định.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Cải cách thể chế

Với chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý Nhà nước về tài chính ngân sách; Sở Tài chính luôn tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng dự toán ngân sách năm 2023 báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phê chuẩn dự toán ngân sách, đúng Luật ngân sách Nhà nước; luôn chú trọng việc hướng dẫn các Sở, ban ngành, địa phương thực hiện tốt các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm; Sở Tài chính tiên hành thẩm định phân bổ dự toán dự ngân sách năm 2023 cho các Sở, ban ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh đúng theo quy định của Luật.

Thường xuyên kiểm tra, rà soát hệ thống hoá các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, nhằm kịp thời sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật thuộc cơ quan quản lý.

2. Cải cách thủ tục hành chính

- Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác cải cách hành chính và chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo tính hợp pháp, hợp hiến, tính đồng bộ, cụ thể và khả thi của các văn bản quy phạm pháp luật.

- Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, rà soát, cập nhật các quy định thủ tục hành chính, đề xuất và thực hiện các phương án đơn giản hoá, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý; công bố kịp thời và nghiêm túc đầy đủ các thủ tục hành chính theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan gắn với thực hiện cải cách thủ tục hành chính; Quy chế hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Sở Tài chính theo Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/04/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; đánh giá mức độ hài lòng của người dân, các đơn vị có liên quan một số lĩnh vực quản lý; thực hiện tốt kế hoạch công tác văn thư, lưu trữ.

- Triển khai, quán triệt Quyết định số 2390/QĐ-UBND ngày 08/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố mới và bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh và Kế hoạch 05/KH-STC ngày 09/01/2023 của Sở Tài chính về cải cách hành chính của Sở Tài chính năm 2023 cho toàn thể công chức tổ chức thực hiện. Thực hiện đầy đủ việc niêm yết công khai các thủ tục hành chính theo đúng quy trình TCVN ISO 9001 : 2015 và thời gian giải quyết hồ sơ đúng theo quy trình.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

- Tiếp tục thực hiện rà soát về cơ cấu, tổ chức và biên chế hiện có của cơ quan; trên cơ sở đó bố trí, sắp xếp vị trí công chức phù hợp với trình độ chuyên môn, năng lực, sở trường công tác theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Trung ương và Đề án số 05-ĐA/TU ngày 27/7/2018 của Tỉnh ủy.

- Thực hiện có hiệu quả chính sách tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế, đảm bảo việc quản lý, sử dụng biên chế tiết kiệm, hiệu quả theo đúng quy định.

- Thực hiện tốt các quy định về phân cấp; tăng cường hoạt động kiểm tra, nhằm nâng cao vai trò, tinh thần trách nhiệm, năng lực hoạt động của cơ quan.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức và người đứng đầu cơ quan.

- Nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng, góp phần xây dựng đội ngũ công chức đảm bảo về số lượng, cơ cấu hợp lý gắn với vị trí việc làm, có phẩm chất, đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Xây dựng Kế hoạch đào tạo cụ thể theo yêu cầu, tính chất công việc nhằm nâng cao năng lực của công chức, chú trọng tạo nguồn cán bộ trẻ, cán bộ quy hoạch; công tác bổ nhiệm, chuyển ngạch, luân chuyển, đối với công chức được thực hiện công khai, dân chủ, đúng quy định.

5. Cải cách tài chính công

a) Kết quả thực hiện quy định về quản lý tài chính ngân sách:

- Tiến độ thực hiện thu chi ngân sách nhà nước theo Kế hoạch được chính phủ giao là 1.214.479/5.183.000 trđ, ước đạt 25%.

- Kết quả thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công 671.028/3.319.242 trđ, đạt 20,33%.

- Kết quả thực hiện kiến nghị sau thanh tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách:

+ Thực hiện kiến nghị KTNN năm 2009-2019: Số kiến nghị thực hiện 1.639.664.015.292 đ, số thực hiện 1.591.209.536.791 đ, đạt được 97,04%.

+ Thực hiện kiến nghị thanh tra bộ năm 2015-2019: Số kiến nghị thực hiện 788.504.979.730 đ, số thực hiện 731.532.486.491đ, đạt được 92,77%.

b) Kết quả thực hiện quy định về quản lý sử dụng tài sản công:

- Điều chuyển tài sản: Không có.
- Thanh lý tài sản: 03 xe ô tô.
- Giao tài sản: không có.
- Thanh toán chi phí xử lý tài sản công: 02
- Xuất hóa đơn tài sản công: 04 (trong đó: 02 hóa đơn bán tài sản nhà nước; 02 hóa đơn bán tài sản tịch thu sung quỹ nhà nước).

c) Tiếp tục triển khai, hướng dẫn thực hiện tốt các quy định về giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kinh phí hành chính đối với cơ quan hành chính nhà nước; quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; đảm bảo mục tiêu sử dụng hiệu quả nguồn ngân sách nhà nước (năm 2022 đang tổng hợp báo cáo trình lãnh đạo).

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

Thực hiện tốt việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 theo quy định. Kết quả trong quý đã thực hiện 139 hồ sơ thủ tục hành chính mức độ 4 và 04 hồ sơ mức độ 3.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Nhìn chung công tác tổ chức triển khai, quán triệt thực hiện công tác cải cách hành chính tại cơ quan đúng quy định và kế hoạch đề ra. Chú trọng việc tiếp nhận và trả kết quả trong giải quyết thủ tục hành chính đúng thời gian quy định, đồng thời áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001: 2015, nhất là việc thống kê, rà soát thủ tục hành chính theo Đề án 30c của Chính phủ, đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý Nhà nước.

Công tác dân vận chính quyền luôn được Ban Giám đốc cùng Đảng ủy cơ quan chú trọng quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát cùng sự phối hợp chặt chẽ của cán bộ, đảng viên Chi bộ, đoàn viên Công đoàn.

2. Tồn tại, hạn chế:

Bên cạnh kết quả đạt được, nhiệm vụ cải cách hành chính vẫn còn tồn tại một số mặt hạn chế trong công tác triển khai, quán triệt đôi lúc chưa kịp thời, đánh giá chỉ số hài lòng của tổ chức, cá nhân chưa được thường xuyên...

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUÝ II NĂM 2023

Tiếp tục triển khai, quán triệt các văn bản chỉ đạo, điều hành của các cấp như: Quyết định số 3925/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh

ban hành Kế hoạch thực hiện duy trì, áp dụng và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 384/QĐ-UBND ngày 16/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Trà Vinh. Đẩy mạnh việc giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện hành chính trên môi trường điện tử.

- Tiếp tục triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ; đồng thời áp dụng có hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001 : 2015 theo quy định và tiếp tục phát huy tốt công tác vận hành Văn phòng điện tử (VNPT-IOffice) dùng chung, thực hiện tốt Hệ thống quản lý ngân sách (TABMIS); củng cố và xây dựng từng bước có cải tiến nội dung trang Website của cơ quan; ứng dụng tốt hệ thống công nghệ thông tin vào hiện đại hóa nền hành chính...

- Tiếp tục tổ chức thực hiện rà soát, hệ thống hoá các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành có liên quan đến công tác tài chính.

- Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, từng bước chuẩn hoá đội ngũ công chức. Củng cố và nâng cao công tác cải cách hành chính của cơ quan; đồng thời thực hiện chế độ thông tin báo cáo đầy đủ, kịp thời, đúng quy định.

Trên đây là kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính quý I năm 2023 của Sở Tài chính, báo cáo Sở Nội vụ tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ (b/c);
- Ban Giám đốc STC;
- Trang TTĐT STC;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Tiêu Thanh Tân

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

| STT | Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i> | Kết quả thống kê | | Ghi chú |
|-----------|---|------------------|------------|---------------------------------|
| | | Đơn vị tính | Số liệu | |
| 1. | Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công | % | 10,3 | |
| 1.1. | Kế hoạch được giao | Triệu đồng | 4.574.233 | |
| 1.2. | Đã thực hiện | Triệu đồng | 472.757 | |
| 2. | Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i> | | | |
| 2.1. | Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương | Đơn vị | 504 | Tính đơn vị ngành tỉnh và huyện |
| 2.2. | Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư | Đơn vị | 7 | |
| 2.3. | Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên | Đơn vị | 31 | |
| 2.4. | Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên | Đơn vị | 57 | |
| 2.4.1. | <i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i> | <i>Đơn vị</i> | 5 | |
| 2.4.2. | <i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i> | <i>Đơn vị</i> | 6 | |
| 2.4.3. | <i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i> | <i>Đơn vị</i> | 46 | |
| 2.5. | Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên | Đơn vị | 409 | |
| 2.6. | Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i> | Đơn vị | | |